



Thông báo hỗ trợ đi học

Chế độ hỗ trợ đi học là gì?

Chúng tôi đã thiết lập một "chế độ hỗ trợ đi học" cho các hộ gia đình trong số các hộ gia đình có trẻ đang theo học các trường tiểu học và trung học cơ sở do thành phố thành lập trong thành phố, hoặc có sống ở thành phố và có trẻ đang theo học các trường tiểu học và trung học cơ sở do nhà nước và tỉnh thành lập **gặp khó khăn trong việc chi trả chi phí cần thiết cho việc học ở trường, v.v ... vì lý do tài chính.**

● Phí ăn trưa ● Phí dụng cụ học tập v.v.



★ **Từ năm nay, đã có phần "Phí viễn thông cho học trực tuyến" được thêm vào hạng mục chi trả.**

★ **Khi đăng ký, theo nguyên tắc thì hồ sơ đính kèm (Giấy chứng minh thuế, giấy chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em) là không cần thiết nữa.**

Xin xem "1. Các hộ gia đình là đối tượng được hỗ trợ đi học và các hồ sơ chứng nhận cần chuẩn bị" ở mặt sau để biết chi tiết.

Những người có thu nhập bị giảm sút do một số hoàn cảnh đặc biệt như ảnh hưởng của bệnh truyền nhiễm do vi-rút Covid-19 v.v., có thể trở thành đối tượng được hỗ trợ. Do đó xin quý phụ huynh hãy trao đổi với chúng tôi.

Xin xem "mục số ⑦" ở "phần 1. Các hộ gia đình là đối tượng được hỗ trợ đi học và các hồ sơ chứng nhận cần chuẩn bị" ở mặt sau để biết chi tiết.

* Đơn xin hỗ trợ đi học **cần thiết làm hàng năm**

* Phụ huynh nào đã nộp đơn đăng ký tiền chuẩn bị nhập học (chi trả trước khi nhập học) vào tháng 1 và đã được chứng nhận thì **không cần nộp đơn lại nữa.**

Hạng mục chi trả / cách chi trả

Các hạng mục chi trả	Trường tiểu học		Trường trung học cơ sở		Nội dung
	Khối lớp được áp dụng	Số tiền thanh toán	Khối lớp được áp dụng	Số tiền thanh toán	
Phí ăn trưa	Tất cả các khối lớp		Tất cả các khối lớp		Không có yêu cầu thanh toán hoặc rút tiền từ tài khoản.
Chi phí đồ dùng học tập, v.v. (Số tiền hàng năm)	Học sinh khối lớp 1	13.230 yên	Học sinh khối lớp 1	25.040 yên	Được trả thành ba đợt vào cuối mỗi học kỳ. (Bên trái là số tiền khi được chứng nhận từ tháng 4)
	Khối lớp 2 đến khối lớp 6	15.500 yên	Khối lớp 2 và khối lớp 3	27.310 yên	
Tiền chuẩn bị nhập học	Học sinh khối lớp 1	51.060 yên	1 năm	60.000 yên	Chi áp dụng cho những hộ gia đình được chứng nhận từ tháng 4.
Phí du lịch học tập	Khối lớp 6		Khối lớp 2		Sau khi tham gia, sẽ chi trả dựa trên báo cáo của từng trường. Chi trả sau 3 đến 5 tháng. * Không được áp dụng trừ khi bạn đang nhận hỗ trợ đi học tại thời điểm tham gia. * Có hạn mức cho chi phí du lịch học tập và chi phí hoạt động ngoại khóa khi chi trả.
Phí tham quan khoa học xã hội	Khối lớp 5		-		
Phí hoạt động ngoại khóa (Kèm với chỗ trọ)	Tất cả các khối lớp		Tất cả các khối lớp		
Phí album tốt nghiệp, v.v.	Khối lớp 6		Khối lớp 3		
Phí dụng cụ giáo dục thể chất (Chỉ có trang phục Judo)	-		Tất cả các khối lớp		Sau khi mua sẽ chi trả dựa trên báo cáo của từng trường. Chi trả vào cuối học kỳ thứ ba. * Không được áp dụng trừ khi bạn đang nhận hỗ trợ đi học tại thời điểm mua. * Có hạn mức cho số tiền chi trả.
Học phí	Tất cả các khối lớp		Tất cả các khối lớp		Chỉ những hộ gia đình đáp ứng yêu cầu chi trả mới được chi trả sau khi mỗi học kỳ kết thúc. * Vui lòng kiểm tra với từng trường để biết các yêu cầu chi trả.
Tiền trợ cấp thiên tai	Tất cả các khối lớp		Tất cả các khối lớp		Sẽ được chi trả sau khi thực tế xảy ra.

Các hạng mục chi trả	Đối tượng chi trả	Số tiền chi trả	Nội dung
Học trực tuyến Phí viễn thông	Những hộ gia đình có trang bị môi trường viễn thông trực tuyến tại nhà * Chi được chi trả trong trường hợp làm hợp đồng sử dụng Internet ở nhà để trang bị môi trường học trực tuyến (cũng bao gồm trường hợp chung cư làm hợp đồng sử dụng Internet)	12.000 yên (/1 hộ gia đình)	Bắt kể số học sinh thiếu nhi theo học tại trường do thành phố thành lập, số tiền ghi bên trái được chi trả theo từng hộ gia đình. Đối với những hộ gia đình đã có hợp đồng lắp đặt môi trường viễn thông trong học kỳ, thì số tiền chi trả là số tiền sau tháng ký hợp đồng. Sẽ chia 3 lần cho mỗi học kỳ. * Số tiền cho học kỳ 1 của niên khóa 2021 là dự kiến trả vào khoảng tháng 9 (Bên trái là số tiền khi được chứng nhận từ tháng 4)

* **Phí ăn trưa, phí viễn thông cho học trực tuyến** sẽ chỉ được trả khi đi học ở trường tiểu học và trung học cơ sở được thành phố thành lập.

1. Các hộ gia đình đối tượng được hỗ trợ đi học và các hồ sơ chứng nhận chuẩn bị

Những người không được trợ cấp sinh kế nhưng đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào sau đây * Tất cả phụ huynh phải đáp ứng các yêu cầu giống nhau

	Yêu cầu	Hồ sơ chứng nhận																														
(1)	Những người đã bãi bỏ hoặc ngừng trợ cấp sinh kế sau ngày 1 tháng 1 năm 2021	Thông báo quyết định ngừng / bãi bỏ trợ cấp sinh kế																														
(2)	Những người không phải đóng thuế thị dân, thuế huyện dân hoặc đang được áp dụng miễn giảm	Về nguyên tắc là không cần thiết * Chỉ áp dụng với người có thể cư trú tại thành phố Fukuoka vào ngày được làm chuẩn để đánh thuế (Năm 2020→1/1/2020, Năm 2021→1/1/2021) (chú thích 1.2)																														
(3)	Những người đang được miễn giảm toàn bộ tiền lương hưu quốc gia hoặc tiền bảo hiểm y tế quốc gia	Thông báo phê duyệt đơn xin miễn trừ tiền bảo hiểm lương hưu quốc gia hoặc thông báo quyết định phê duyệt miễn giảm tiền bảo hiểm y tế quốc gia, v.v. (Phải đang được miễn giảm toàn bộ tiền tại thời điểm nộp đơn)																														
(4)	Những người lao động theo ngày đăng ký tại Văn phòng Ổn định Việc làm hoặc những người đang nhận khoản vay của chế độ cho vay Quỹ Phúc lợi Sinh hoạt	Số tay của người được bảo hiểm lao động theo ngày hoặc thông báo quyết định cho vay Quỹ Phúc lợi Sinh hoạt, v.v.																														
(5)	Những người đang nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ như các gia đình cha mẹ đơn thân	Về nguyên tắc là không cần thiết * Những người sống ngoài thành phố Fukuoka đi học ngoài vùng v.v. và đang nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ vui lòng xuất trình giấy chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ được cấp tại nơi cư trú.																														
(6)	Những người có tổng cộng của số tiền theo tỷ lệ thu nhập của thuế thị dân và số tiền theo tỷ lệ thu nhập của thuế huyện dân nhỏ hơn hoặc bằng số tiền tiêu chuẩn được mô tả trong bảng “Số trẻ dưới 16 tuổi và số tiền tiêu chuẩn” dưới đây <table border="1" data-bbox="179 598 1097 798"><thead><tr><th rowspan="2">Thời gian nộp đơn</th><th rowspan="2">Năm chứng minh thuế</th><th colspan="6">Số trẻ dưới 16 tuổi và số tiền tiêu chuẩn</th></tr><tr><th>1 trẻ</th><th>2 trẻ</th><th>3 trẻ</th><th>4 trẻ</th><th>5 trẻ</th><th>6 trẻ</th></tr></thead><tbody><tr><td>Đến ngày 31 tháng 5 năm 2021</td><td>Năm 2020</td><td>99.800</td><td>135.300</td><td>170.800</td><td>208.800</td><td>244.300</td><td>279.800</td></tr><tr><td>Từ sau ngày 1 tháng 6 năm 2021</td><td>Năm 2021</td><td>99.600</td><td>135.100</td><td>170.600</td><td>208.600</td><td>244.100</td><td>279.600</td></tr></tbody></table> <p>[Số trẻ dưới 16 tuổi]</p> <ul style="list-style-type: none">• Trường hợp năm 2020 • • • Số trẻ sinh từ ngày 2 tháng 1 năm 2004 đến ngày 1 tháng 1 năm 2020• Trường hợp năm 2021 • • • Số trẻ sinh từ ngày 2 tháng 1 năm 2005 đến ngày 1 tháng 1 năm 2021	Thời gian nộp đơn	Năm chứng minh thuế	Số trẻ dưới 16 tuổi và số tiền tiêu chuẩn						1 trẻ	2 trẻ	3 trẻ	4 trẻ	5 trẻ	6 trẻ	Đến ngày 31 tháng 5 năm 2021	Năm 2020	99.800	135.300	170.800	208.800	244.300	279.800	Từ sau ngày 1 tháng 6 năm 2021	Năm 2021	99.600	135.100	170.600	208.600	244.100	279.600	Về nguyên tắc là không cần thiết * Chỉ áp dụng với người có thể cư trú của thành phố Fukuoka vào ngày được làm chuẩn để đánh thuế (Năm 2020→1/1/2020, Năm 2021→1/1/2021) (chú thích 1.2) (Chú thích 1) Nếu bạn không có thể cư trú tại Thành phố Fukuoka vào ngày được làm chuẩn để đánh thuế, vui lòng nộp hồ sơ chứng minh thuế thị dân và thuế huyện dân (giấy chứng nhận thu nhập chịu thuế). (Chú thích 2) Nếu chưa hoàn tất báo cáo thuế (trừ những người đang được điều chỉnh cuối năm chỉ theo thu nhập từ lương) thì do không thẩm tra được, nên cho dù có thu nhập hay không thì hãy báo cáo tại chi cục thuế hoặc các ủy ban quận. * Số tiền thuế năm 2020: Số tiền thuế đánh vào thu nhập trong năm 2019 (tháng 1 đến tháng 12 năm 2019) * Số tiền thuế năm 2021: Số tiền thuế đánh vào thu nhập trong năm 2020 (tháng 1 đến tháng 12 năm 2020) Xin xem trên trang chủ để biết cách xác nhận số tiền thuế (cách xác nhận trên giấy chứng minh thuế)
Thời gian nộp đơn	Năm chứng minh thuế			Số trẻ dưới 16 tuổi và số tiền tiêu chuẩn																												
		1 trẻ	2 trẻ	3 trẻ	4 trẻ	5 trẻ	6 trẻ																									
Đến ngày 31 tháng 5 năm 2021	Năm 2020	99.800	135.300	170.800	208.800	244.300	279.800																									
Từ sau ngày 1 tháng 6 năm 2021	Năm 2021	99.600	135.100	170.600	208.600	244.100	279.600																									
(7)	Những người không rơi vào các mục ①~⑥ ở trên (<u>tiền thuế năm 2021 vượt quá chuẩn</u>) nhưng do hoàn cảnh đặc biệt mà ước tính thu nhập trong năm 2021 (tháng 1 đến tháng 12) được coi là thấp hơn chuẩn chứng nhận * Dựa trên thu nhập từ tháng 1 năm 2021 đến tháng gần nhất, tính ước tính thu nhập trong năm và tiền thuế dự kiến. Nếu tiền thuế thỏa tiêu chuẩn thì sẽ trở thành đối tượng được hỗ trợ đi học.	Hồ sơ chứng minh thuế thị dân, huyện dân năm 2021 (dự kiến có thể lấy được từ sau tháng 6 năm 2021) và hồ sơ cho thấy thu nhập đang giảm v.v. (Vui lòng kiểm tra với Bộ phận Hỗ trợ Giáo dục của Ủy ban Giáo dục để biết chi tiết)																														

* Theo nguyên tắc, căn hồ sơ chứng nhận của **hai người cha mẹ** là phụ huynh (ngoại trừ trường hợp gia đình cha mẹ đơn thân, v.v.). Nếu trẻ được nuôi dưỡng bởi người khác ngoài cha mẹ, thì cần hồ sơ chứng nhận của cả người đó.

* Tiền chuẩn bị nhập học cho trẻ đang nhận trợ cấp sinh kế sẽ được trợ cấp sinh kế chi trả cùng với phí trợ cấp cho tháng 3.

* Nếu cần thời gian để lấy hồ sơ chứng nhận, vui lòng liên hệ với trường tiểu học và trung học cơ sở dự định đi học từ tháng 4 hoặc Bộ phận Hỗ trợ Giáo dục của Ủy ban Giáo dục càng sớm càng tốt.

2. Hồ sơ cần thiết để nộp đơn

(1) Hồ sơ chứng nhận ghi ở trên

* Vui lòng chuẩn bị một bộ hồ sơ chứng nhận cho từng hộ gia đình nộp đơn. Không cần phải chuẩn bị theo số trẻ.

(2) Đơn đăng ký (Từ thời điểm ngày 1 tháng 4, cần chữ ký hoặc con dấu của toàn bộ gia quyến ở chung từ 15 tuổi trở lên)

Đơn được phát ở mỗi trường tiểu học và trung học cơ sở. Bạn cũng có thể tải xuống từ trang web của Thành phố Fukuoka.

(3) Sổ ngân hàng hoặc thẻ tiền mặt

* Không cần thiết nếu bạn tiếp tục nộp đơn từ năm trước và không thay đổi tài khoản chuyển khoản từ năm trước.

3. Nơi nộp đơn

“Văn phòng của trường đang theo học”

Hoặc “Bộ phận Hỗ trợ Giáo dục của Ủy ban Giáo dục (Tầng 11 của Tòa thị chính Fukuoka, 1-8-1, Tenjin, Chuo-ku, Thành phố Fukuoka)”

* Nếu có trẻ học ở trường tiểu học và trường trung học cơ sở, xin hãy nộp đơn ở một trong các trường này.

4. Thời gian nộp đơn

Thời gian nộp đơn	Chứng nhận/Chi trả
1/3 (thứ Hai) đến 31/5 (thứ Hai)	Chứng nhận, chi trả từ phần tháng 4 năm 2021
1/6 (thứ Ba) đến 30/7 (thứ Sáu)	Chứng nhận, chi trả từ phần tháng đã nộp đơn (tuy nhiên chỉ trường hợp nộp đơn theo yêu cầu ở 2, 6, 7 và số tiền đánh thuế của năm 2021 thỏa tiêu chuẩn thì chứng nhận, chi trả từ phần tháng 4 năm 2021)
2/8 (thứ Hai) đến 31/3 (thứ Năm)	Chứng nhận, chi trả từ phần tháng đã nộp đơn

* Bất kể nội dung trên, nếu chuyển từ ngoài thành phố đến thì không được chứng nhận, chi trả cho những phần của trước tháng trước. (Xin hãy trao đổi với thành phố, thị trấn và huyện đã ở trước khi chuyển đến)

5. Địa chỉ liên lạc

Các trường tiểu học và trung học cơ sở dự định đi học từ tháng 4 hoặc Bộ phận Hỗ trợ Giáo dục của Ủy ban Giáo dục (SĐT 092-711-4693)